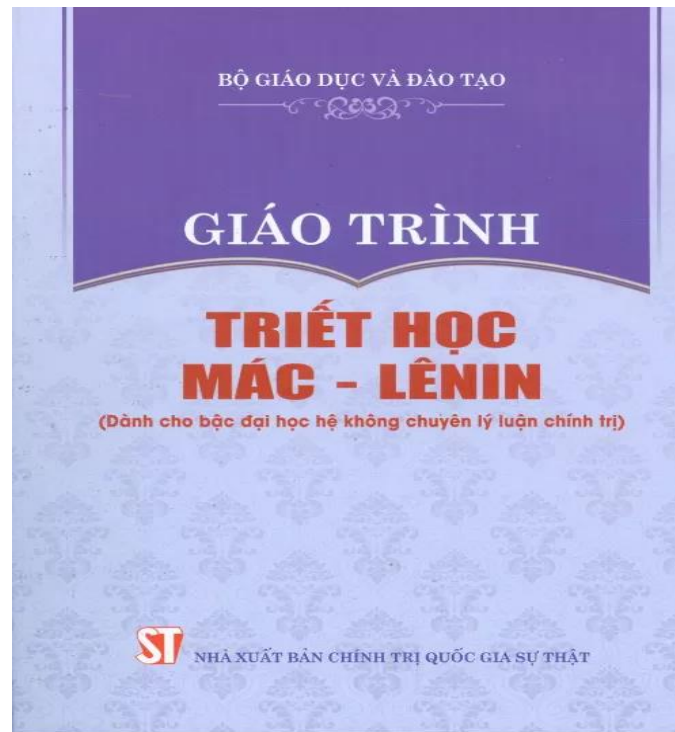


TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN



LƯU Ý KHI LIÊN HỆ GV

1/ Thông tin về sinh viên:

- Họ và tên**
- Lớp**
- Số thứ tự**
- Nội dung cần trao đổi**

TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Mục đích của môn học

Môn học cung cấp *tri thức khái lược* về *triết học*, và những nội dung cơ bản của học thuyết *triết học Mác - Lênin* nhằm góp phần trang bị ở người học một thế giới quan khoa học và phương pháp luận khoa học.

Môn học *tiên quyết* trong nhóm các môn học lý luận chính trị thuộc khối *kiến thức đại cương*.

TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN



Chương 1. Khái luận về triết học và triết học M-L

Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học
2. Vấn đề cơ bản của triết học
3. Biện chứng và siêu hình

II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin
3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

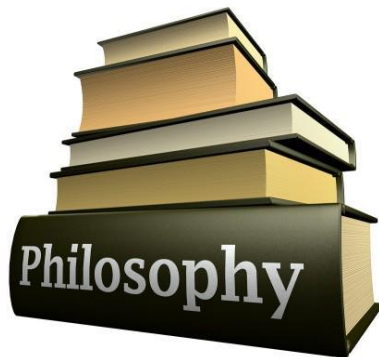
I.1. Khái lược về triết học

**Nguồn
gốc ra
đời của
triết
học**

**Khái
niệm
triết
học**

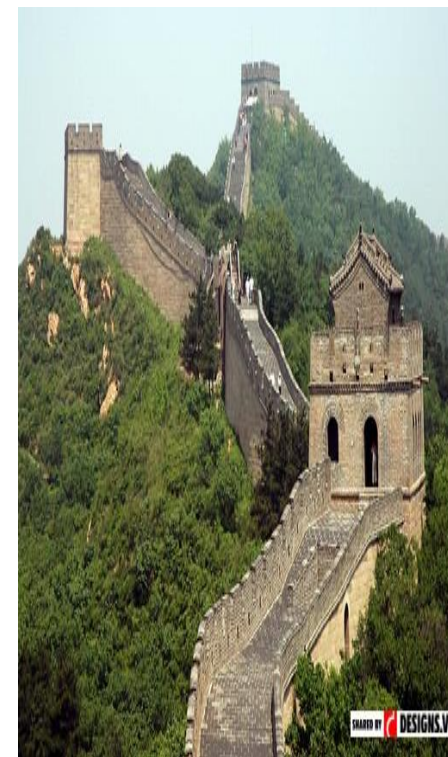
**Đôi
tượng
nghiên
cứu của
triết
học**

**Thế
giới
quan**



I.1. Khái lược triết học

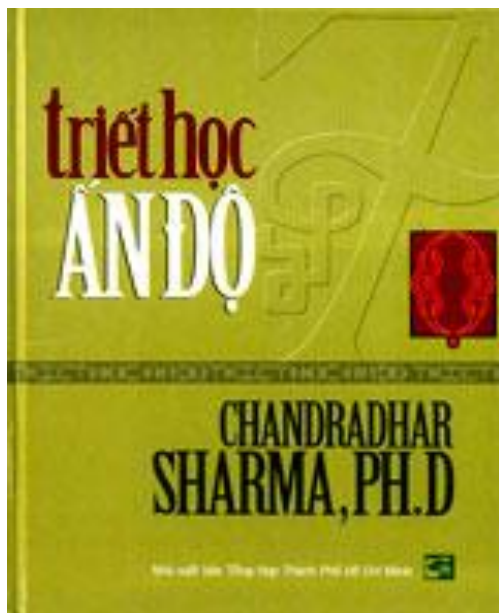
Xã hội loài người xuất hiện cách đây khoảng gần 4 triệu năm, nhưng triết học mới xuất hiện cách đây vào *khoảng hơn hai nghìn năm (khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ thứ VI trước công nguyên)*, vào thời kỳ xã hội Chiếm hữu nô lệ ở cả phương Đông và phương Tây.



Triết học xuất hiện đầu tiên ở một số trung tâm văn minh cổ đại của nhân loại như Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp...

I.1.b. Khái niệm Triết học

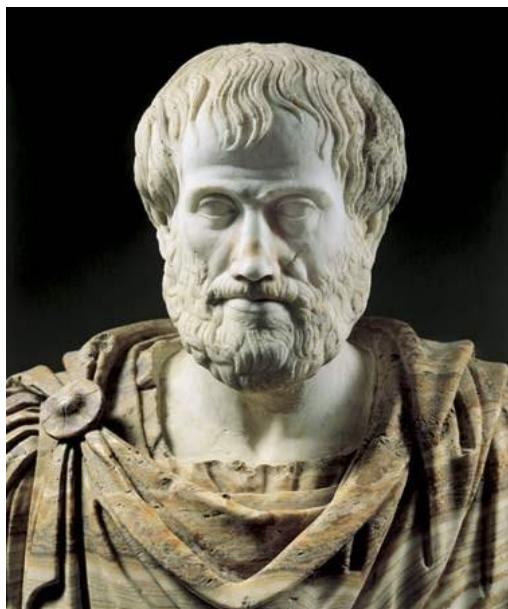
Ở Trung Quốc, triết học là biểu hiện cao của trí tuệ, là *sự hiểu biết sâu sắc của con người về toàn bộ thế giới* thiên – địa – nhân và định hướng nhân sinh quan cho con người



Thuật ngữ Triết học Ấn Độ (Sanskrit: Darshanas), có thể đề cập đến vài hệ tín ngưỡng hoặc tôn giáo về tư tưởng triết học bắt nguồn từ tiểu lục địa Ấn Độ, bao gồm triết học Hindu, triết học Phật giáo, và triết học Jain.

Ở Ấn Độ, thuật ngữ triết học (darshana) nghĩa là chiêm ngưỡng, hàm ý là *tri thức dựa trên lý trí*, là con đường suy ngẫm để dẫn dắt con người đến với *lẽ phải*

Philosophia = Philo (tình yêu) + sophia (sự thông thái)



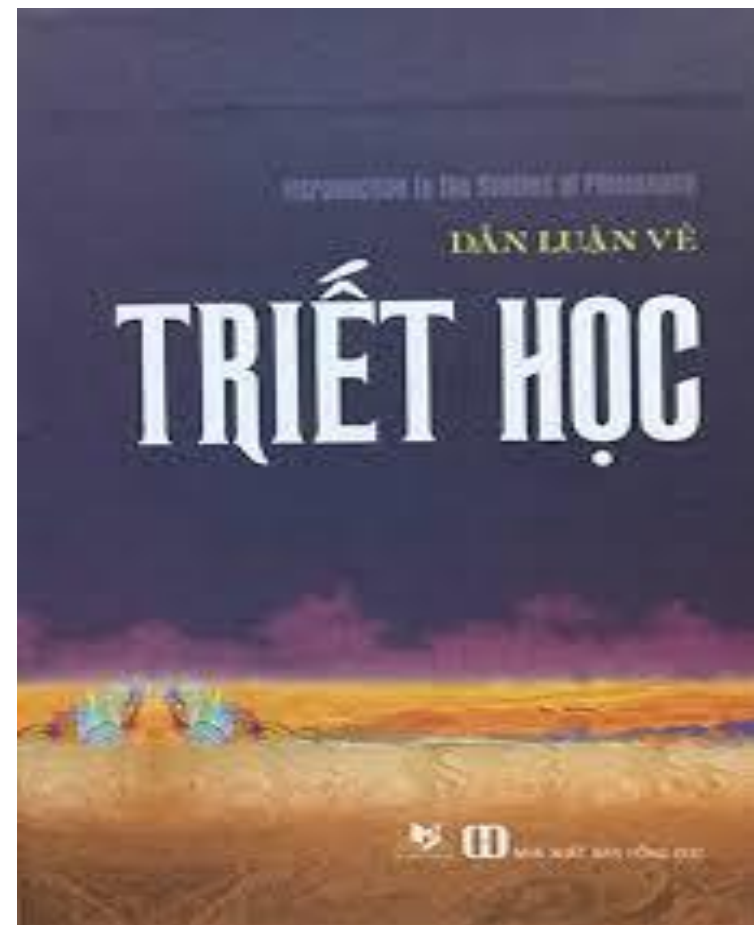
Aristotle

Một trong những người thông minh, tài năng nhất thời đó khi có nhiều nghiên cứu thực hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: vật lý, hình học, văn thơ, kịch nghệ, âm nhạc, lý luận, ngôn ngữ, chính trị, sinh học

Theo người Hy Lạp thì triết học (Philosophia) nghĩa là **yêu mến sự thông thái**. Với người Hy Lạp cổ đại, philosophia vừa mang nghĩa là *giải thích vũ trụ, định hướng nhận thức và hành vi, vừa nhấn mạnh đến khát vọng tìm kiếm chân lý của con người*.

Triết học Mác – Lênin

Triết học là hệ thống tri thức lý luận phổ quát nhất của con người về thế giới; về vị thế và khả năng của con người trong thế giới ấy.



1.1.a. Nguồn gốc của triết học

Triết học ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VI tr.CN tại các trung tâm văn minh lớn của nhân loại thời Cổ đại (phương Đông: Ấn độ và Trung hoa; phương Tây: Hy Lạp)



I.1.a. Nguồn gốc của triết học

* Nguồn gốc nhận thức

- Hình thành vốn hiểu biết nhất định, phát triển tư duy trừu tượng, năng lực khái quát
- Rút ra được cái chung

* Nguồn gốc xã hội

- + *Phân công lao động xã hội*
- + *Của cải dư thừa, tư hữu hóa tư liệu sản xuất*
- + *Giai cấp, nhà nước ra đời*
- + *Lao động trí óc, nhà thông thái*

I.1.c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

Thời kỳ Hy Lạp Cổ đại

Triết học tự nhiên bao gồm tất cả những tri thức mà con người có được, trước hết là các tri thức thuộc khoa học tự nhiên sau này như toán học, vật lý học, thiên văn học...

Thời Trung cổ

Triết học kinh viện, triết học mang tính tôn giáo

Thời kỳ phục hưng, cận đại

Triết học tách ra thành các môn khoa học như cơ học, toán học, vật lý học, thiên văn học, hóa học, sinh học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...

Triết học cổ điển Đức

Đỉnh cao của quan niệm “Triết học là khoa học của mọi khoa học” ở Hêghen

Triết học Mác

Trên lập trường DVBC để nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy

I.1.d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

➤ Thế giới quan:

Là khái niệm triết học chỉ *hệ thống* các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định *về thế giới và về vị trí của con người* trong thế giới đó.

Thành phần chủ yếu của thế giới quan: *tri thức, niềm tin và lý tưởng*.

Thế giới quan quy định các nguyên tắc, thái độ, giá trị trong định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

Một *TGQ bền vững*, đóng vai trò nền tảng để hình thành và củng cố sự nhất quán về lý tưởng, hành động là *TGQ có tri thức và niềm tin thống nhất với nhau*.

* *Thế giới quan*

Trong lịch sử phát triển của tư duy, thế giới quan thể hiện dưới *nhiều hình thức* đa dạng khác nhau, nên được phân loại theo nhiều cách khác nhau.

+ Thế giới quan *huyền thoại*: t/h chủ yếu qua các câu chuyện thần thoại; trật tự k.gian, t.gian bị đảo lộn một cách tự phát; đan xen giữa thực và ảo, giữa thần và người.

+ Thế giới quan *tôn giáo*: t/h chủ yếu qua giáo lý của các tôn giáo; tuyệt đối hóa vai trò của niềm tin, giới siêu nhiên (thần linh, thượng đế, đấng sáng tạo...); hướng con người về cuộc sống sau khi chết.

* *Thế giới quan*

Trong lịch sử phát triển của tư duy, thế giới quan thể hiện dưới *nhiều hình thức* đa dạng khác nhau, nên được phân loại theo nhiều cách khác nhau.

+ Thế giới quan *triết học*: *t/h chủ yếu qua các học thuyết triết học; đề cao vai trò của trí tuệ; không chỉ thể hiện qđ,qn về TG mà còn chứng minh bằng lý luận.*

+ Thế giới quan *khoa học*: phản ánh hiện thực một cách khách quan, trung thực. TGQ khoa học hình thành và phát triển dựa trên những thành tựu khoa học, tri thức khoa học, niềm tin khoa học.

- Thế giới quan *chung nhất, phổ biến nhất*, được sử dụng trong mọi ngành khoa học và trong toàn bộ đời sống xã hội là *thế giới quan triết học*.

*** Hạt nhân lý luận của thế giới quan**

Thế giới quan đóng *vai trò* đặc biệt quan trọng trong đời sống của con người và xã hội loài người:

- + Những vấn đề được triết học đặt ra và tìm lời giải đáp trước hết là những vấn đề thuộc thế giới quan.
- + Thế giới quan đúng đắn là tiền đề quan trọng để xác lập phương thức tư duy hợp lý và nhân sinh quan tích cực.

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

2.a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Vấn đề cơ bản của triết học:

- *Nền tảng*
- *Điểm xuất phát* mang tính *định hướng* để giải quyết vấn đề triết học nghiên cứu.

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

2.a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Mặt bản thể luận:
Giữa ý thức và vật chất
thì cái nào có trước,
cái nào có sau, cái nào
quyết định cái nào ?

**VĐCBTH: Mỗi
quan hệ giữa
vật chất và ý
thức; giữa tư
duy và tồn tại**

Mặt nhận thức luận:
trong mqh với TG, con
người có khả năng *nhận
thức* được thế giới hay
không ?

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

2.a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Mặt thứ nhất: Giữa ý thức và vật chất thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào *quyết định* cái nào ?

$VC_1 - YT_2$; VC quyết định \Rightarrow bản chất thế giới là vật chất

(Chủ nghĩa Duy vật)
(Nhất nguyên duy vật)

$YT_1 - VC_2$, YT quyết định \Rightarrow bản chất thế giới là ý thức

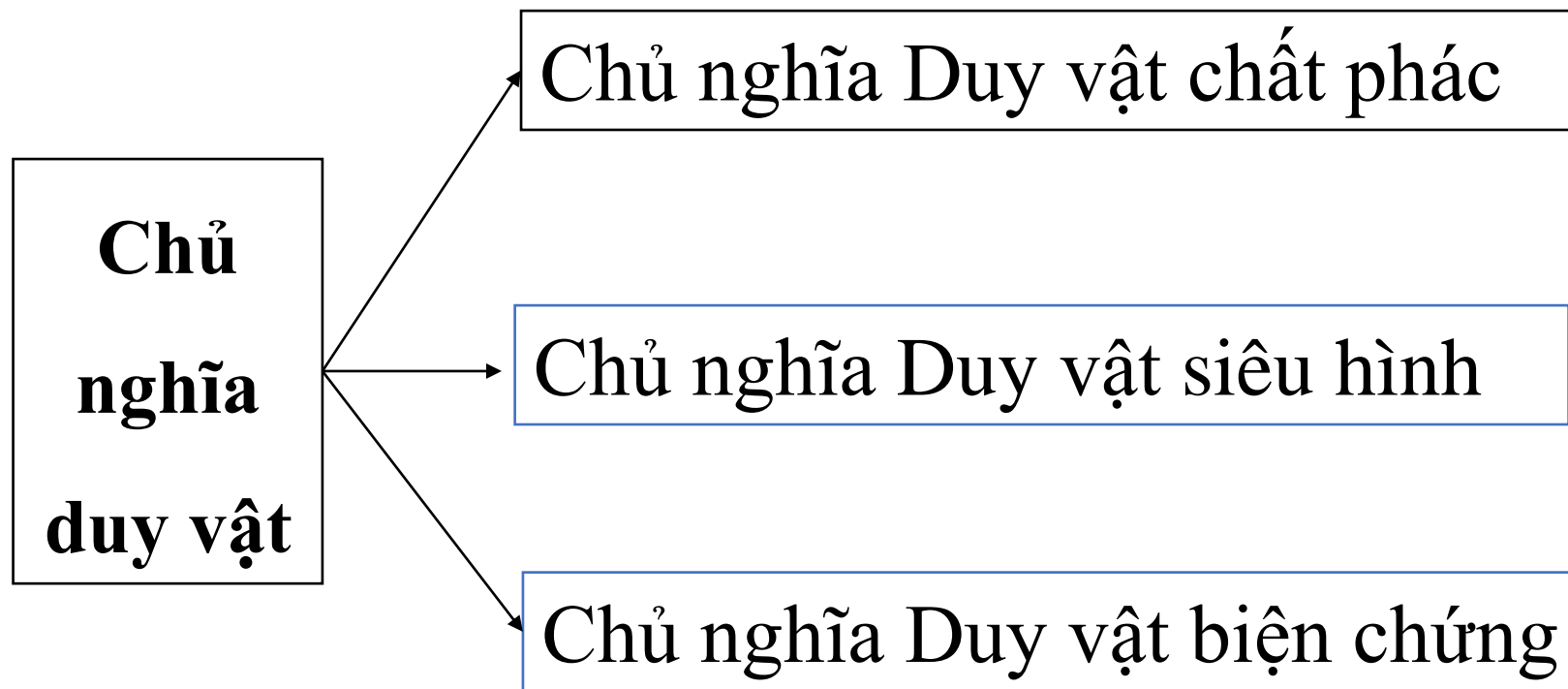
(Chủ nghĩa Duy tâm)
(Nhất nguyên duy tâm)

VC - YT song song tồn tại

\Rightarrow cả YT và VC là bản nguyên thế giới
(Nhị nguyên)

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

I.2.b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm



I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

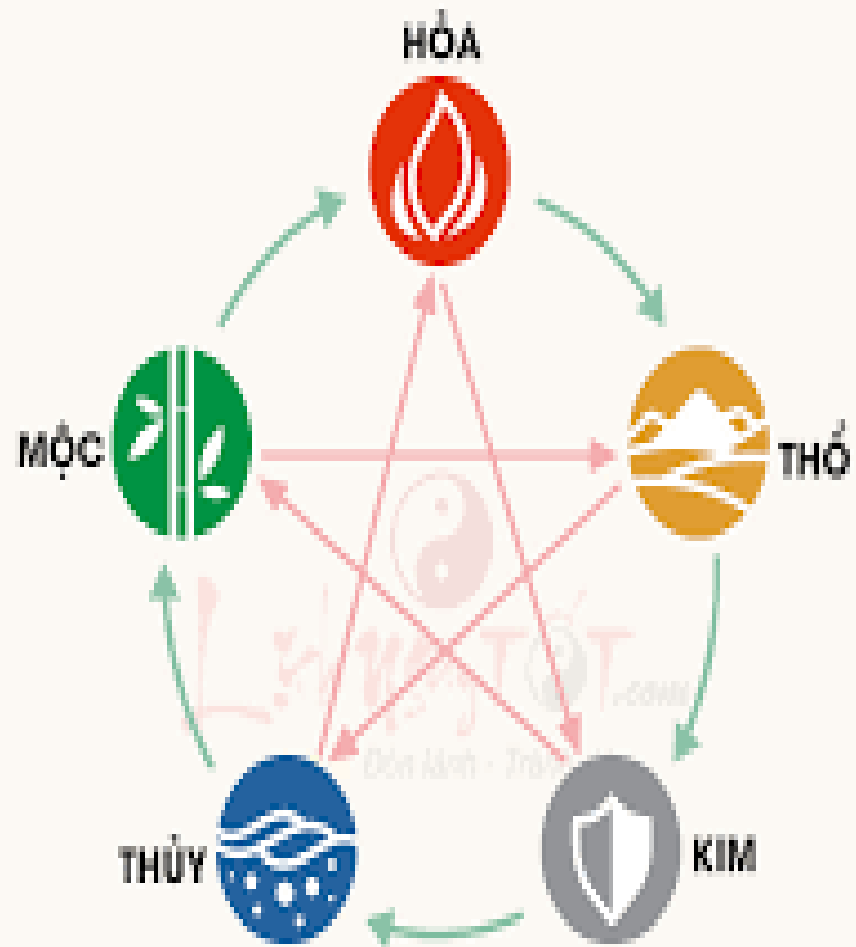
* *Chủ nghĩa duy vật chất phác*

- Ra đời từ thời *cổ đại*
- *Đồng nhất* vật chất với một hay một số chất cụ thể của vật chất: Không khí, nước, lửa....
- Mang nặng tính *trực quan*, ngây thơ, chất phác.
- Lấy *bản thân giới tự nhiên* để giải thích thế giới.

NGŨ HÀNH

Tương sinh

Tương khắc



I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

* *Chủ nghĩa duy vật siêu hình*

- Thể hiện *khá rõ* từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII
- Chịu *sự tác động mạnh mẽ* của phương pháp tư duy siêu hình, cơ giới: nhìn thế giới trong trạng thái *biệt lập và tĩnh tại*.
- Góp phần không nhỏ vào việc *đẩy lùi* thế giới quan duy tâm và tôn giáo

Những nhà triết học *tiêu biểu* cho chủ nghĩa duy vật siêu hình là

- Spinôza
- Đidơrô.
- Đêcắcto

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

** Chủ nghĩa duy vật biện chứng*

- Do C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng vào *những năm 40 của thế kỷ XIX*, sau đó được V.I.Lênin phát triển.
- *Thống nhất* hữu cơ giữa TGQ duy vật và phương pháp luận biện chứng.
- *Khắc phục* được hạn chế của CNDV chất phác thời Cổ đại, CNDV siêu hình.
- Công cụ *nhận thức* TG, *cải tạo* TG

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

Chủ nghĩa duy tâm

CNDT chủ quan: Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức con người. (Tồn tại của sự vật do con người cảm giác, tri giác được)

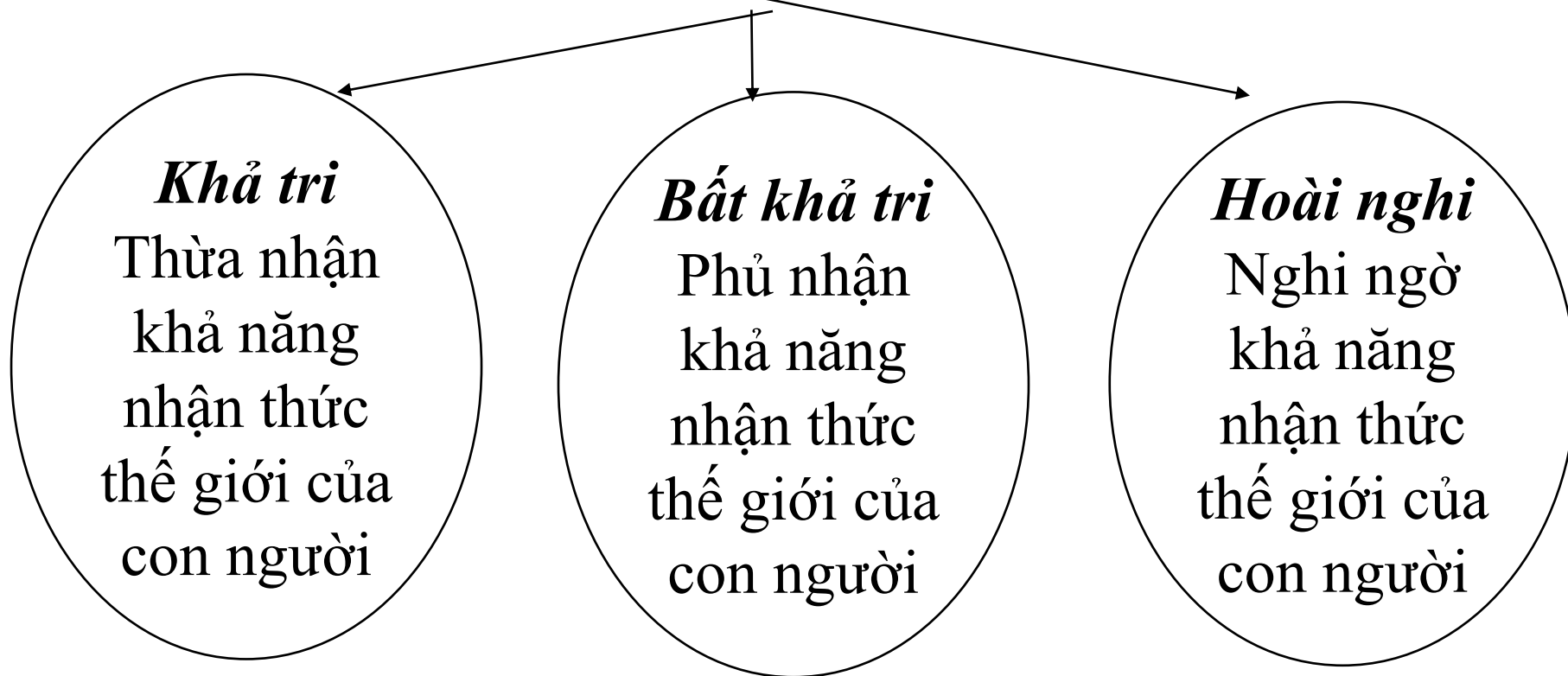
CNDT khách quan: Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức (tinh thần khách quan có trước và tồn tại độc lập với con người).

Nguyên nhân thừa nhận tính thứ nhất YT, tinh thần: Không giải thích được hoạt động của hệ thống thần kinh con người; Tuyệt đối hóa một vòng khâu của nhận thức; Không giải thích được các hiện tượng tự nhiên; Sử dụng học thuyết này như một công cụ để củng cố quyền lực, quyền lợi...

I.2. Vấn đề cơ bản của triết học

2.a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học.
“Con người có thể nhận thức thế giới hay không” ?



I.3. Biện chứng và siêu hình

a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

Các khái niệm “biện chứng” và “siêu hình” trong lịch sử triết học được dùng *nhiều nghĩa* khác nhau.

- + Biện chứng: *nghệ thuật tranh luận* để tìm chân lý bằng cách phát hiện mâu thuẫn trong cách lập luận
- + Siêu hình: Triết học với tư cách là khoa học siêu cảm tính, *phi thực nghiệm*.

Trong triết học hiện đại, đặc biệt là *triết học mácxít*, chúng được dùng, trước hết để chỉ hai *phương pháp tư duy chung nhất đối lập nhau*.

- + Phương pháp biện chứng
- + Phương pháp siêu hình.

I.3. Biện chứng và siêu hình

* Sự đối lập giữa hai phương pháp tư duy

Phương pháp siêu hình

- Nhận thức đối tượng ở trạng thái *cô lập, tách rời*
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái *tĩnh*
- Từ *toán học* và *vật lý học* cổ điển

Phương pháp biện chứng

- Nhận thức đối tượng trong các *mối liên hệ phổ biến*
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái *động, phát triển*.
- Công cụ hữu hiệu giúp con người *nhận thức và cải tạo* thế giới.

3. Biện chứng và siêu hình

b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

- Cùng với *sự phát triển của tư duy con người*, phương pháp biện chứng đã trải qua *ba giai đoạn* phát triển

+ Phép biện chứng *tự phát*

+ Phép biện chứng *duy tâm*

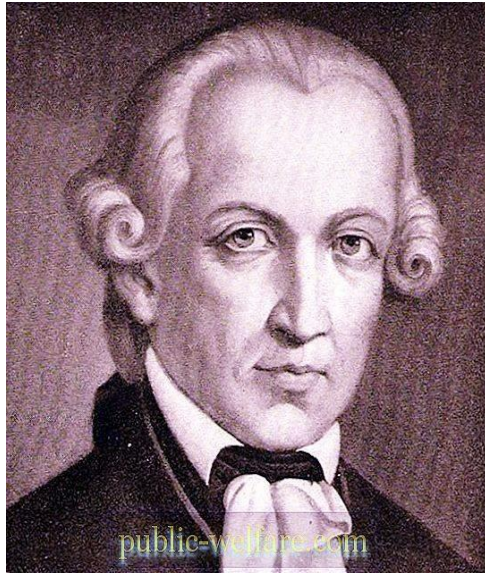
+ Phép biện chứng *duy vật*.

3. Biện chứng và siêu hình

** Phép biện chứng tự phát*

- + Xuất hiện vào thời *Cổ đại*.
- + *Thấy được* các sự vật, hiện tượng của vũ trụ vận động trong sự sinh thành, biến hóa vô cùng vô tận.
- + *Trực kiến*, chưa có các kết quả của nghiên cứu và thực nghiệm khoa học minh chứng.

3. Biện chứng và siêu hình



**Immanuel
Kant**
1724 - 1804



**Friedrich
Hegel**
1770 - 1831

** Phép biện chứng
duy tâm.*

- Người khởi đầu là
Cantor

- Người hoàn thiện là
Hêghen

3. Biện chứng và siêu hình

* *Phép biện chứng duy tâm*

- Trình bày một cách *có hệ thống* những nội dung quan trọng nhất của phương pháp biện chứng.
- Biện chứng, bắt đầu từ *tinh thần* và kết thúc ở tinh thần.
- Thế giới hiện thực chỉ là *sự phản ánh* biện chứng của ý niệm.

3. Biện chứng và siêu hình

*** *Phép biện chứng duy vật.***

- *Thể hiện* trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng, sau đó được V.I.Lênin và các nhà triết học hậu thế phát triển.
- Kế thừa những *hạt nhân hợp lý* trong phép biện chứng duy tâm để xây dựng phép biện chứng duy vật
- Công lao của Mác và Ph.Ăngghen, tạo được *sự thống nhất* giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng.

II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1

- Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin

2

- Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

3

Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

II.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

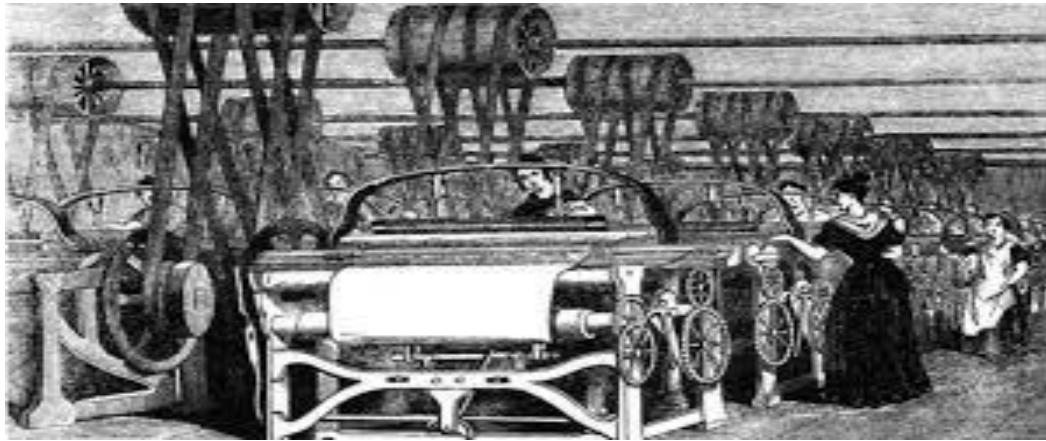
b. Ba thời kỳ chủ yếu trong hình thành và phát triển của Triết học Mác (Giai đoạn Mác và Ăngghen)

c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác

II.1.a. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời triết học Mác - Lênin

ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI



Những năm 40 (XIX) cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ (chuyển từ nền sản xuất thủ công sang nền sản xuất đại công nghiệp).

Phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ



II.1.a. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời triết học Mác - Lênin

❑ TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

TRIẾT HỌC CỔ ĐIỂN ĐỨC

Đặc biệt là Hê ghen và Phoiơbắc đã ảnh hưởng đến sự hình thành TGQ và PPL của chủ nghĩa Mác.

KTCT CỔ ĐIỂN ANH

Hình thành quan niệm duy vật về lịch sử của chủ nghĩa Mác (A.Xmít, Ricácđô)

CNXH KHÔNG TƯỞNG PHÁP

Tiền đề lý luận ra đời CNXHKKH (Xanh Ximông, Phuriê, Ôoen)

❑ TIỀN ĐỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
(*Julius Robert Mayer*)

CM về sự liên hệ, *chuyển hóa lẫn nhau* và luôn được *bảo toàn* của các hình thức vận động của VC.



Thuyết tiến hóa (*Charles Darwin*)

Charles Darwin đã CM quá trình phát triển của giới hữu sinh tuân theo các *quy luật khách quan*; về sự phát sinh, phát triển đa dạng bởi tính di truyền - biến dị - chọn lọc tự nhiên và mối liên hệ hữu cơ giữa các loài thực, động vật.



Thuyết tế bào (*Theodor Schwann*)

Cho thấy *tính thống nhất* trong đa dạng của sinh giới, tất cả các sinh vật hiện tại đều được tạo ra từ *một tế bào đầu tiên*.

CM sinh giới được tạo ra từ *ngẫu sinh hóa học* và *tiến hóa lâu dài*, chứ không phải do bất kỳ một lực lượng siêu nhiên nào.

Nhân tố chủ quan trong sự ra đời triết học Mác

*Xuất thân từ tầng lớp
trên nhưng C.Mác và
Ph.Ăngghen đều tích
cực tham gia hoạt động
thực tiễn*

***Nhân tố chủ
quan trong sự
hình thành
triết học Mác***

*Hiểu sâu sắc cuộc sống
khốn khổ của GCCN
trong nền SX TBCN nên
đã đứng trên lợi ích của
GCCN*

Xây dựng hệ thống lý luận để
cung cấp cho GCCN một công cụ
sắc bén để nhận thức và cải tạo
thế giới.

II.1.b. Ba thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác

**1841 -
1844**

- Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước chuyển từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và lập trường giai cấp vô sản

**1844-
1848**

- Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

**1848 -
1895**

- Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lí luận triết học

II.1.c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

- C.Mác và Ph.Ăngghen đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm, Đức sáng tạo ra một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị là chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng trong triết học.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã sáng tạo ra một triết học chân chính khoa học, với những đặc tính mới của triết học duy vật biện chứng.

II.1.d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác

Hoàn cảnh lịch sử V.I.Lênin phát triển Triết học Mác

- Cuối XIX, đầu XX: CNTB phát triển cao sinh ra → CNĐQ, xuất hiện những mâu thuẫn mới đặc biệt GCTS >< GCVS
- Trung tâm cách mạng thế giới chuyển sang nước Nga và xuất hiện phong trào giải phóng dân tộc tại các nước thuộc địa cần hệ thống lý luận mới soi đường
- Những phát minh mới trong KHTN (vật lý học) dẫn đến sự khủng hoảng về TGQ... CNDT lợi dụng những phát minh này gây ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và hoạt động CM, nở rộ các loại CNDT khoa học tự nhiên
- Các nhà tư tưởng tư sản tấn công nhằm xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác .

V.I.Lênin trở thành người kế tục trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác và triết học Mác trong thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- ✓ Thời kỳ 1893 - 1907, V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác và chuẩn bị thành lập đảng mácxít ở Nga hướng tới cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất.
- ✓ 1907 - 1917 thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị và thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- ✓ Từ 1917 - 1924 là thời kỳ Lênin tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- ✓ Thời kỳ từ 1924 đến nay, triết học Mác - Lênin tiếp tục được các Đảng Cộng sản và công nhân bổ sung, phát triển.

II.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

a. Khái niệm triết học Mác – Lênin

b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

II.2.a. Khái niệm triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy, là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng giúp giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ nhận thức đúng đắn và cải tạo hiệu quả thế giới.

TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN



II.2.b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Triết học Mác - Lênin phân biệt rõ ràng đối tượng của triết học và đối tượng của các khoa học cụ thể

Triết học Mác - Lênin có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với các khoa học cụ thể

II.2.c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

Chức năng thế giới quan



Giúp con người nhận thức đúng đắn thế giới và bản thân để từ đó nhận thức đúng bản chất của tự nhiên và xã hội giúp con người hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động của bản thân.

Thế giới quan duy vật biện chứng nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của con người

Thế giới quan DVBC có vai trò là cơ sở khoa học để đấu tranh với các loại thế giới quan duy tâm, tôn giáo, phản khoa học.

II.2.c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

Chức năng phương pháp luận



PPL là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc xuất phát có vai trò chỉ đạo việc sử dụng các phương pháp trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm đạt kết quả tối ưu.

PPL DVBC được thể hiện trước hết là phương pháp chung của toàn bộ nhận thức khoa học. PPL DVBC trang bị cho con người hệ thống những nguyên tắc phương pháp luận chung nhất cho hoạt động nhận thức và thực tiễn.

TH M-L trang bị cho con người hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật làm công cụ nhận thức khoa học; giúp con người phát triển tư duy khoa học, đó là tư duy ở cấp độ phạm trù, quy luật.

II.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn

Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.

Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.